

Số: 97/2024/QĐ-PQTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2024

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

QUYẾT ĐỊNH
VỀ YÊU CẦU HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Quốc Đạt

Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Ông Nguyễn Đức Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 30/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 45/2024/TLST-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2024 về yêu cầu “Hủy phán quyết trọng tài” theo Quyết định mở phiên họp số 1541/2024/QĐ-MPH ngày 25/3/2024 và Quyết định hoãn phiên họp số 5416/2024/QĐ-HPH ngày 22/4/2024, Quyết định tạm ngừng phiên họp số 7008/2024/QĐ-KDTM ngày 23/5/2024, giữa các đương sự:

Người yêu cầu: Công ty TNHH S

Địa chỉ: P, Tòa nhà J, số H đường Đ, Khu T Trung Quốc, Phố Đ, T, Trung Quốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Phan, sinh năm 1955; Địa chỉ: B Ni Sư H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 18/2023/GUQ-RENTEx ngày 24/7/2023)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ: 2183 TBĐ 47 Đường T, Khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Bích N

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình T, sinh năm 1994 (Có mặt)

Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1994 (Có mặt ngày 23 vắng mặt ngày 30/5/2024); Cùng địa chỉ liên hệ: Lầu C số H T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ VIỆC:

Nội dung tranh chấp:

1. Ngày 12/3/2020, Công ty TNHH S (Viết tắt Công ty S) và Công ty Cổ phần Đ (viết tắt Công ty Đ) ký kết Hợp đồng mua bán số 20NT057W1340 (H), theo đó Công ty S có nghĩa vụ giao cho Công ty Đ 180.000 kg vải poly mã hàng SCK5217, đơn giá 1.861 USD/kg, giao hàng thành ba đợt vào các ngày 22/3/2020, 05/4/2020 và 19/4/2020 thông qua phương thức vận tải đường biển với tổng giá trị hợp đồng là 334.980 USD. Công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị đơn hàng trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ghi trên vận đơn bằng phương thức TT.

2. Ngày 07/5/2020, Công ty S và Công ty Đ ký kết tiếp Hợp đồng mua bán số 20NT057W1400 (H), theo đó Công ty S có nghĩa vụ giao cho Công ty Đ 33.000 kg vải cotton mã hàng SCK6069, đơn giá 3.688 USD/kg, giao hàng thành hai đợt vào các ngày 12/5/2020 và 18/5/2020 thông qua phương thức vận tải đường biển với tổng giá trị hợp đồng là 121.704 USD. Công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị đơn hàng trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ghi trên vận đơn bằng phương thức TT. (Hợp Đồng 1340 và Hợp Đồng 1400 sau đây được gọi chung là "Các hợp đồng").

3. Trên thực tế, Công ty S đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng theo các hợp đồng với tổng giá trị 509.675,58 USD (lớn hơn so với tổng giá trị các hợp đồng do Công ty S giao số lượng hàng nhiều hơn so với số lượng hàng ghi trên các hợp đồng). Tuy nhiên, Công ty Đ mới chỉ thanh toán cho Công ty S số tiền 51.983,84 USD (theo xác nhận chuyển khoản của ngân hàng), còn số tiền 457.691,74 USD chưa thanh toán.

4. Ngày 08/7/2021, Công ty Đ gửi cho Công ty S đề nghị gia hạn thanh toán, trong đó Công ty Đ trình bày về các ảnh hưởng của đại dịch C và xác định nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty S “Tôi vẫn cam kết thanh toán số tiền cho quý công ty, nhưng mong quý công ty hiểu và thông cảm rằng tôi sẽ thu xếp thanh toán cho quý công ty khi dịch bệnh qua đi và kinh tế công ty chúng tôi phục hồi”.

5. Tại Khoản VII của 02 hợp đồng đều thỏa thuận tranh chấp sẽ được giải quyết bởi Trung tâm T2.

Công ty S đã khởi kiện đến Trung tâm T2 yêu cầu Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 457.691,74 USD.

Phán quyết Trọng tài số 143/23 HCM ngày 05/02/2024 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm T2 (V1) tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung như sau:

Yêu cầu thanh toán số tiền hàng còn thiếu của Nguyên đơn đối với Bị đơn liên quan đến Hợp đồng mua bán số 20NT057W1340 và Hợp đồng mua bán số 20NT057W1400 là không được chấp nhận vì thời hiệu khởi kiện không còn.

Nguyên đơn phải chịu phí trọng tài với số tiền là 408.828.394 VNĐ đã được nộp trước cho VIAC.

Không đồng ý với Phán quyết của Trọng tài, ngày 28/02/2024 Công ty S gửi đơn yêu cầu đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khởi kiện của yêu cầu xem xét hủy Phán quyết Trọng tài số 143/23 HCM ngày 05/02/2024 của VIAC với lý do như sau:

- Trung tâm T2 (V1) và Hội đồng trọng tài đã vi phạm quy định điểm đ khoản 1 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại:

Tại Phiên họp, Bị đơn nhất trí thời hiệu khởi kiện sẽ được bắt đầu lại tính từ ngày 08/7/2021 nhưng chưa có ngày gia hạn (văn bản của bị đơn ghi: “thu xếp thanh toán cho quý công ty khi đại dịch qua đi và kinh tế chúng tôi phục hồi”). Nhưng Hội đồng trọng tài cho rằng thời hiệu khởi kiện của Công ty S là 02 năm theo khoản 1 Điều 4, Điều 319 Luật thương mại xác định ngày bắt đầu thời hiệu là 08/7/2021 và kết thúc vào cuối ngày 07/7/2023 (ngoại trừ các trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện hoặc khoảng thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 155, 156 Bộ luật dân sự).

- Hội đồng trọng tài không đồng ý cộng với 45 ngày theo tính toán của Công ty S hoặc cộng thời gian dịch bệnh Covid 19 cả Thành phố Hồ Chí Minh bị phong tỏa (đến 01/10/2021 mới tạm thời gỡ bỏ phong tỏa) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty S. Do đó Công ty S đề nghị hủy Phán quyết số 143/23 HCM ngày 05/02/2024 theo điểm đ Khoản 1 Điều 68 Luật trọng tài thương mại: "*đ) Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*".

Tại phiên họp, người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan Công ty Đ trình bày:*

Phán quyết Trọng tài số 143/23 HCM ngày 05/02/2024 đã được Trung tâm T2 tiến hành thực hiện các thủ tục tiếp nhận, thụ lý, quá trình thực hiện thủ tục tố tụng, áp dụng pháp luật đúng theo các quy định của pháp luật. Nội dung của Phán quyết Trọng tài số 143/23 HCM ngày 05/02/2024 hoàn toàn đúng theo quy định. Do đó Công ty Đ không đồng ý hủy Phán quyết Trọng tài.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Qua kiểm sát vụ việc từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ việc, Tòa án có quyết định mở phiên họp và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật Trọng tài Thương mại.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng mở phiên họp: Phiên họp đã tiến hành đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật Trọng tài Thương mại.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật Trọng tài Thương mại.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét đơn căn cứ Khoản 5 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại, chấp nhận yêu cầu của Công ty S về việc hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 143/23 HCM ngày 05/02/2024 của V1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc được thẩm tra tại phiên họp; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét đơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là việc dân sự về yêu cầu kinh doanh thương mại liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp, nơi Hội đồng Trọng tài tuyên Phán quyết Trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, do đó căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 31, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm o khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, và điểm g Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về thời hiệu nộp đơn yêu cầu: Ngày 05/02/2024 là ngày công bố Phán quyết Trọng tài vụ kiện số A1 (sau đây gọi tắt là Phán quyết Trọng tài). Ngày 28/02/2024 Công ty S nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Phán quyết Trọng tài là còn trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại.

[2]. Về nội dung: Xét lý do trong đơn yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài của người yêu cầu là Công ty S, căn cứ các tài liệu chứng cứ đính kèm tại đơn yêu cầu và lời trình bày của các bên tại phiên họp, Hội đồng xét đơn nhận thấy:

[2.1] Đối với lý do: Về thời hiệu Hội đồng Trọng tài đã căn cứ vào thỏa thuận các bên để áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết, tuy nhiên chưa được áp dụng đầy đủ về thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện theo quy định Điều 156 Bộ luật Dân sự nên Phán quyết vi phạm quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại: "*đ) Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*".

Xét tại Mục 45 của Phán quyết có nội dung: nguyên đơn và bị đơn thống nhất áp dụng thời điểm bắt đầu lại thời hiệu liên quan đến vụ tranh chấp là ngày 08/7/2021. Thời hạn của thời hiệu khởi kiện các tranh chấp thương mại là 02 năm nên ngày cuối cùng của thời hạn để một bên trong vụ tranh chấp có thể khởi kiện yêu cầu bên kia thực hiện nghĩa vụ hay trách nhiệm với mình sẽ là cuối ngày 07/7/2023 (ngoại trừ các trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện hoặc các khoảng thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện được quy định tại các Điều 155, 156 tương ứng của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu sẽ không được áp dụng hoặc được kéo dài tương ứng).

Tại thư đề nghị gia hạn thanh toán ngày 08/7/2021 của Công ty Đ có nội dung: "Tôi vẫn cam kết thanh toán số tiền cho quý công ty, nhưng mong quý

công ty hiệu và thông cảm rằng tôi sẽ thu xếp thanh toán cho quý công ty khi dịch bệnh qua đi và kinh tế công ty chúng tôi phục hồi”.

Tại phiên họp của Tòa các bên đương sự đều xác định ngày 08/7/2021 là ngày bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo quy định Điều 157 Bộ luật Dân sự. Đại diện Công ty Đ xác nhận tính đến thời điểm mở phiên họp của Tòa án thì Công ty Đ chưa phục hồi kinh tế. Hội đồng xét đơn nhận thấy T1 đề nghị xác định “tôi sẽ thu xếp thanh toán cho quý công ty khi dịch bệnh qua đi và kinh tế công ty chúng tôi phục hồi” là Công ty Đ thừa nhận nghĩa vụ thanh toán nhưng không xác định thời gian cụ thể, vì vậy không có thời hạn cụ thể để tính thời hiệu. Công ty S muốn khởi kiện thì phải thông báo cho Công ty Đ bằng văn bản và cho họ khoảng thời gian hợp lý để thu xếp trả nợ, hết thời gian hợp lý mới xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán.

[2.2] Đối với lý do cản trở khoảng thời gian không tính vào thời hiệu:

Mục 54 đến 56 của Phán quyết có nêu ý kiến của nguyên đơn đối với việc người quản lý của bị đơn là ông Trần Công A phải nằm viện vì bị nhiễm vi rút Sars -CoV-2 và người đại diện theo pháp luật của bị đơn có văn bản nêu khó khăn, xin gia hạn thanh toán. Những lý do này nguyên đơn đề nghị phải được xem “sự kiện bất khả kháng” hay “trở ngại khách quan”. Hội đồng Trọng tài có phân tích về sự kiện bất khả kháng và căn cứ khoản 6.2 Điều VI của các Hợp đồng mà các bên đã ký để xác định dựa trên tài liệu đệ trình, không giấy chứng nhận nào đã được ban hành để làm bằng chứng chứng minh sự kiện bất khả kháng đã xảy ra.

Mục 56 (ii) của Phán quyết có nội dung: trong suốt thời gian đại dịch Covid-19 xảy ra tại Việt Nam (2020 đến cuối năm 2022), việc thanh toán trong nước và ra nước ngoài từ Việt Nam không bị đình trệ Vì vậy nghĩa vụ thanh toán trong giai đoạn này không chịu ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan.

Hội đồng Trọng tài phân tích khoảng thời gian đại dịch Covid-19 xảy ra tại Việt Nam (2020 đến cuối năm 2022), việc thanh toán trong nước và ra nước ngoài từ Việt Nam không bị đình trệ nhưng không xem xét đến yếu tố khoảng thời gian bắt đầu từ 0 giờ ngày 09/đến hết ngày 30/9/2021 là thời gian toàn Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giãn cách theo Chỉ thị 16/CT-TTg và các văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố H như: Công văn số 2279 UBND/TP ngày 8/7/2021 áp dụng biện pháp phòng chống dịch Covid-19 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ cách ly toàn xã hội 15 ngày từ 00 giờ ngày 09/7/2021; Công văn số 2789 UBND/TP ngày 20/8/2021 tăng cường 1 số biện pháp thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19 thực hiện triệt để giãn cách xã hội, thực hiện nghiêm nhà cách ly nhà, tổ dân phố C, phường, thị trấn...; Công văn số 2796 UBND/TP ngày 21/8/2021 tăng cường kiểm soát các nhóm đối tượng được lưu thông trong thời gian giãn cách xã hội từ 00 giờ ngày 23/8/2021 đến 06/9/2021 bắt buộc phải có giấy đi đường và dấu hiệu nhận diện theo quy định; Công văn số 2800 UBND/TP ngày 21/8/2021 về việc điều chỉnh tăng cường kiểm soát các nhóm đối tượng được lưu thông trong thời gian giãn

cách xã hội; Công văn số 3086 UBND/TP ngày 16/9/2021 thí điểm từ ngày 16/9/2021 đến 30/9/2021 đi làm việc theo phương án 3 tại chỗ, 1 cung đường 2 điểm đến, bố trí tối đa 1/3 cán bộ công chức, kiểm soát di chuyển, công an cấp giấy đi đường hoặc mã QR cho cán bộ công chức và người lao động. Việc thanh toán tiền hàng còn thiếu là nghĩa vụ của Công ty Đ nhưng việc đi lại để khởi kiện tại VIAC là quyền của Công ty S khi lợi ích bị xâm phạm nhưng khoảng thời gian từ 00 giờ ngày 09/đến hết ngày 30/9/2021 là thời gian toàn Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giãn cách, do đó thời gian này phải được tính là trở ngại khách quan làm cho chủ thể có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu không thể khởi kiện. Vì vậy cần phải xem xét khoảng thời gian này không tính vào thời hiệu khởi kiện mới phù hợp quy định tại Điều 156 Bộ luật Dân sự.

Mục 59 của Phán quyết, Hội đồng Trọng tài xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn hết thời hiệu khởi kiện nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa chính xác, không đúng những nguyên tắc trong pháp luật khi xác định về thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán, thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự là những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Từ những nhận định trên Hội đồng xét đơn chấp nhận yêu cầu của Công ty S hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 143/23 HCM ngày 05/02/2024 của V1.

[3] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp có ý kiến: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của Công ty S về việc hủy Phán quyết Trọng tài. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét đơn nên chấp nhận.

[4] Căn cứ Khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì trường hợp của Công ty S phải chịu lệ phí Tòa án, tuy nhiên trong phần danh mục lệ phí Tòa án thì lại không quy định rõ đối với loại việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài lệ phí là bao nhiêu. Vì vậy, Công ty S không phải chịu lệ phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 31, Điểm a Khoản 3 Điều 38, Khoản 3 Điều 414 và Điều 415 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 68, Khoản 1 Điều 69, Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài Thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH S. Hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 143/23 HCM của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm T2 (V1) lập ngày 05/02/2024 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện Kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- Trung tâm Trọng tài Quốc tế VN (VIAC);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Hoàng Thị Bích Thảo